TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG PHÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 6 - 2022
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Thái Ngọc**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Thanh Tâm**.

2. Bà **Trần Thúy Kiềm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hiệp Văn** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên toà:* bà **Dương Thị Ngọc Bích** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị H**, sinh năm 1996;

Nơi cư trú: ấp N, xã O, huyện V, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn H1**, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:***

Sau thời gian tự tìm hiểu, bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện kết hôn, tiến hành thủ tục đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã O cấp giấy chứng nhận kết hôn số 65, ngày 23/8/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng bà Lê Thị H ông Nguyễn Văn H1 chung sống hạnh phúc và có một người con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019. Thời gian gần đây, vợ chồng thường hay cự cãi, xung đột hằng ngày do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung. Từ

tháng 9 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Bà Lê Thị H xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn.

Nay Bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Bà Lê Thị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Như Y đến khi thành niên và không yêu cầu Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị H đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:

+ Căn cước công dân mang tên Lê Thị H (bản sao chứng thực);

+ Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Nguyễn Thị M (bản sao chứng thực);

+ Giấy chứng nhận kết hôn số 65, do Ủy ban nhân dân xã O cấp ngày 23/8/2019;

+ Bản sao trích lục Giấy khai sinh mang tên Nguyễn Như Y;

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cũng như hỗ trợ cho nguyên đơn trong việc gửi các tài liệu chứng cứ tống đạt trực tiếp cho ông Nguyễn Văn H1. Đến ngày 29/3/2022, ông Nguyễn Văn H1 đã có văn bản trình bày ý kiến như sau: Xác định thời gian vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 đến nay là đúng. Ông Nguyễn Văn H1 đồng ý với tất cả yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Lê Thị H đưa ra. Tuy nhiên ông Nguyễn Văn H1 không thể có mặt được do phải chạy xe cứu thương chở các bệnh nhân mắc Covid-19. Do đó ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 16/02/2022, bà Lê Thị H có văn bản yêu cầu không tiến hành hòa giải và mặt xét xử vắng.

Trong đơn yêu cầu của bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn H1 và không thể có mặt được vì đang bận công việc. Bên cạnh đó, giữa bà và bị đơn không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng được nên yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lê Thị H bị đơn ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm

nay, Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn H1 không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H cho vợ chồng bà Lê Thị H ông Nguyễn Văn H1 ly hôn. Về con chung giao cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng và ông Nguyễn Văn H1 không phải phải cấp dưỡng cho con chung. Về tài sản chung và nợ chung bà Lê Thị H ông Nguyễn Văn H1 xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc bà Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 28/12/2021, bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn H1 có nơi cư trú tại Ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị H, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của Nguyên đơn bà Lê Thị H về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2019, bà Lê Thị H cùng ông Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tiến hành thủ tục đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã O cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 65, ngày 23/8/2019. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn H1 là hợp pháp.

[3.2] Theo trình bày của bà Lê Thị H: Sau thời gian kết hôn vợ chồng bà Lê Thị H ông Nguyễn Văn H1 cùng nhau về sinh sống và làm việc tại tỉnh Bình Dương. Bà Lê Thị H xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một người con chung tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019 đang được bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vợ chồng không tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Thời gian gần đây, vợ chồng thường hay cự cãi, xung đột hằng ngày do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 9 năm 2020 vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Ông Nguyễn Văn H1 đã có văn bản xác nhận nội dung bà Lê Thị H trình bày là đúng. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng cho bà Lê Thị H ông Nguyễn Văn H1 hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên vào ngày 16/02/2022 bà Lê Thị H đã có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải do tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục. Bên cạnh đó ông Nguyễn Văn H1 đều vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Việc này đã thể hiện việc bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn H1 không muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau. Vì vậy Tòa án không tổ chức được phiên hòa giải để các bên hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H cho bà Lê Thị H được ly hôn với cho ông Nguyễn Văn H1.

[3.5] Về thời điểm chấm dứt hôn nhân: Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 của Luật hôn nhân dân đình quy định "Quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật". Do đó quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số số 65, ngày 23/8/2019 do Ủy ban nhân dân xã O cấp mang tên bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn H1 sẽ chấm dứt khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

[3.6] Về con chung: Bà Lê Thị H xác định thời gian chung sống, vợ chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn H1 có một người con chung Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019. Hiện nay con chung do bà Lê Thị H đang trực tiếp nuôi dưỡng. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh mang tên Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019 thể hiện là con chung của bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn H1.

[3.7] Xét ý kiến của bà Lê Thị H về việc bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019 hiện nay đang được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vấn đề này Hội đồng xét xử thấy rằng, qua ý kiến trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019 có nguyện vọng sống cùng với mẹ là bà Lê Thị H khi cha mẹ ly hôn. Ông Nguyễn Văn H1 cũng không có ý kiến gì về việc này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[3.8] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị H xác định hiện tại có nguồn thu nhập ổn định nên đảm bảo cho việc nuôi và không cần ông Nguyễn Văn H1 phải cấp dưỡng cho con chung và không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.9] Bên cạnh đó ông Nguyễn Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Lê Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc

Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1. Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị H ông Nguyễn Văn H1 theo giấy chứng nhận kết hôn số số 65, ngày 23/8/2019 do Ủy ban nhân dân xã O, huyện V, thành phố Cần Thơ cấp chấm dứt kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Như Y, sinh ngày 21/9/2019 (hiện nay con chung đang sống chung với bà Lê Thị H) cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên. Ông Nguyễn Văn H1 không phải cấp dưỡng cho con. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn H1 mà không ai được cản trở. Bà Lê Thị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Văn H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3/ Về tài sản chung: Bà Lê Thị H xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Lê Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003282, ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng (Như vậy bà Lê Thị H đã thực hiện xong). Ông Nguyễn Văn H1 không phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn H1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KT, NV&THA);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND xã O;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Thái Ngọc